

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Sinh học ; Chuyên ngành: Thực vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI HỒNG QUANG

2. Ngày tháng năm sinh: 25/10/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú P1801, CT1, CC Cbcs Bca, Đồng 1, Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng Thực vật học, Viện Sinh học, 18. Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 0982166390; E-mail: bhquang78@gmail.com

7. Quá trình công tác:

- Từ tháng 9, năm 2003 đến tháng 5, năm 2005: Hợp đồng tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

- Từ tháng 3, năm 2001 đến tháng 10, năm 2009: Hợp đồng tại Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

- Từ tháng 10, năm 2009 đến tháng 9, năm 2017: Nghiên cứu viên phòng Thực vật học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Từ tháng 10, năm 2017 đến tháng 3, năm 2025: Nghiên cứu viên chính, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 3, năm 2025 đến nay, Nghiên cứu viên chính, Viện Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Nhà A11, 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.38360169

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Trường Đại Học Hùng Vương, Phú Thọ;
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

8. Đã nghỉ hưu: chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 04 năm 2009; số văn bằng: QC 065679; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội.
- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 04 năm 2013; số văn bằng: 4245; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Thái Nguyên (chương trình đào tạo phối hợp với Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam), Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 07 năm 2017; số văn bằng: 0083; chuyên ngành: Thực vật học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa được bổ nhiệm

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng 1. Phân loại thực vật;
- Hướng 2. Đa dạng, bảo tồn và tài nguyên thực vật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành: Chủ nhiệm 5 đề tài/nhiệm vụ cấp bộ, gồm:

+ 1 đề tài NCKH Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted);

+ 4 đề tài NCKH cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Đã công bố 109 bài báo khoa học, trong đó 72 bài báo KH trên tạp chí quốc tế (54 bài thuộc danh mục ISI (SCIE), 7 bài thuộc danh mục Scopus và 11 bài thuộc danh mục quốc tế khác có chỉ số ISSN);

- Đã được cấp (số lượng): 8 bằng độc quyền sáng chế;

- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước; 3 thuộc nhà xuất bản nước ngoài.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2014 đến 2023;

- Bằng khen của chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam: năm 2016, 2021;

- Cá nhân điển hình tiên tiến cấp cơ sở giai đoạn 2021-2025.

16. Kỷ luật: không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, tác phong phù hợp với môi trường nghiên cứu khoa học và đào tạo; trung thực, khách quan trong hoạt động chuyên môn và đào tạo.

- Đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn cũng như nghiệp vụ sư phạm.

- Đạt đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4. Tiêu chuẩn chung của chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, và tại Điều 6. Tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư trong Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/08/2018.

Về nhiệm vụ:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên đại học, học viên cao học, nghiên cứu sinh tại các cơ sở giáo dục.

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong khoa học và bản lĩnh chính trị.

- Có trách nhiệm trong công tác nghiên cứu khoa học của đơn vị; tăng cường hoạt động hợp tác với các đồng nghiệp ở trong và ngoài nước.

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác được lãnh đạo đơn vị giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- **Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo:** 07 năm

- **Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ** (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			2 (140)			0	0/140/135
2	2020-2021						67,5	67,5/67,5/135
3	2021-2022		1(16,7)				157,5	157,5/174,2/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023	2 (66,6)	1(16,7)	(1)25,0			135	135/243,3/135
5	2023-2024	2 (66,6)	1(16,7)	(1)18,5			135	135/236,8/135
6	2024-2025	2 (66,6)	2(33,4)	(1)13,33			135	135/248,33/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn Thạc sĩ ☐, luận án TS ☐, TSKH ☐; tại nước: Năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. **Tiếng Anh** (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh B2.

4. **Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2018 đến 2025	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tiến Thanh Tùng		X	X		2018-2019	Học viện Khoa học & Công nghệ	Bằng thạc sĩ số GUST/ThS 20 ngày 19/08/2019; Số vào sổ cấp bằng: ThS/20/2019/ECO/07
2	Trịnh Ngọc Hiệp		X	X		2018-2019	Học viện Khoa học & Công nghệ	Bằng thạc sĩ số GUST/ThS 38 ngày 19/11/2019; Số vào sổ cấp bằng: ThS/38/2019/ECO/11
3	Trần Thị Thùy Dương		X	X		2022-2023	Trường Đại học Hùng Vương	Bằng thạc sĩ số HVU8.00638 ngày 21/12/2023; Số vào sổ cấp bằng: 186/2023/ThS/HV
4	Hoàng Thị Kim Liên		X		X	2023-2024	Trường Đại học Hùng Vương	Bằng thạc sĩ số M 001198 ngày 16/1/2025; Số vào sổ gốc cấp bằng: 4162
5	Nguyễn Thảo Ly		X		X	2024-2025	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Bằng thạc sĩ số M 001198 ngày 16/1/2025; Số vào sổ gốc cấp bằng: 4162

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. **Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS (trước tháng 7/2017)						

1	Useful Flowering Plant in Vietnam II	TK	CRESEED Co., Ltd, Korea. ISBN 978-89-6709-007-4, 2012, 480 pages	14	đồng tác giả	42-78; 256-300	Học viện Khoa học và Công nghệ, Số 519/QĐ-HVKHCN, ngày 24/6/2019
2	Useful Flowering Plant in Vietnam III	TK	GeoBook Publishing Co., ISBN 978-89-6709-069-2, 2016, 224 pages	14	đồng tác giả	35-100	Học viện Khoa học và Công nghệ, Số 519/QĐ-HVKHCN, ngày 24/6/2019
II	Sau khi được công nhận TS (sau tháng 7/2017)						
3	Woody Plants of Phia Oac-Phia Den National Park in Vietnam	TK	CRESEED Co., Ltd, Korea. ISBN 979-11-88720-25-5, 2018, 422 pages	5	đồng tác giả	69-100	Học viện Khoa học và Công nghệ, Số 519/QĐ-HVKHCN, ngày 24/6/2019
4	Sách đỏ Việt Nam Viet Nam Red Data Book Tập 2: Thực vật và Nấm, Volume 2 Plants and Fungi	TK	NXB. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. ISBN: 978-604-357-298-8 -12, 2024, 1250 trang	33	Đồng chủ biên	392-605	Học viện Khoa học và Công nghệ, Số 297/QĐ-HVKHCN, ngày 24/4/2025
5	Các loài thực vật có hoa tại Khu bảo tồn thiên Pù Hu-Thanh Hoá Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. ISBN 978-604-67-2330-1, 2020, 464 trang	6	Chủ biên	30-464	Học viện Khoa học và Công nghệ, Số 38/QĐ-HVKHCN, ngày 24/1/2024

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Sau khi được công nhận TS (sau tháng 7/2017)				
1	Nghiên cứu tính đa dạng thành phần loài thực vật bậc cao có mạch tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất các biện pháp bảo tồn	CN	VAST. ĐLT. 07/16-17; Cấp Bộ (Viện Hàn lâm KHCNVN	2016-2017	31/12/2019 Xếp loại KQ: Xuất sắc

2	Nghiên cứu phân loại họ Nhài (Oleaceae) ở Việt Nam và mối quan hệ phát sinh giữa các loài trong họ, cũng như vị trí phân loại của họ này với các họ gần gũi.	CN	106.03-2017.300; (NAFOSTED)	2018-2021	10/08/2022 Xếp loại KQ: Đạt
3	Đặc trưng khu hệ vùng Tây Bắc Việt Nam: mối liên quan từ sinh thái, đa dạng và phân loại thực vật	CN	QTRU01.09/19-20; Cấp Bộ (Viện Hàn lâm KHCNVN)	2019-2020	19/4/2022 Xếp loại KQ: Xuất sắc
4	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng thực vật bậc cao có mạch, đề xuất các biện pháp bảo tồn và sử dụng bền vững tại Khu BTTN Bát Xát, tỉnh Lào Cai	CN	VAST. 04.03/20-21; Cấp Bộ (Viện Hàn lâm KHCNVN)	2020-2021	04/8/2022 Xếp loại KQ: Xuất sắc
5	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng các loài thực vật bậc cao có mạch, đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tại Khu Dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai	CN	ĐL0000.03/22-23; Cấp Bộ (Viện Hàn lâm KHCNVN)	2022-2023	25/01/2024 Xếp loại KQ: Đạt loại A

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (trước tháng 7/2017)							
	Tạp chí thuộc danh mục ISI (SCI-E)							
1	<i>Dillenia tetrapela</i> (Dilleniaceae), a New Species from HonBa Nature Reserve, Vietnam	9		Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q2 (IF=0,775)	5	49, 5, 369-376 https://doi.org/10.5735/085.049.0608	9/2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
2	<i>Argostemma glabra</i> (Rubiaceae), a new species from Vietnam	7		Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q2 (IF=0,826)	6	50, 4, 258-262 https://doi.org/10.5735/086.050.0408	6/2013
3	Anti-inflammatory activity of a methanol extract from <i>Ardisia tinctoria</i> on mouse macrophages and paw edema	9		Molecular medicine reports/ Print ISSN: 1791-2997 Online ISSN:1791-3004	ISI, Q1 (IF=2,632)	12	9(4):1388-94. https://doi.org/10.3892/mmcr.2014.1941	2/2014
4	Two new combinations in the genus <i>Chionanthus</i> L. (Oleaceae)	6	X	Bangladesh Journal of Plant Taxonomy/1028-2092 (print), 2224-7297 (online)	ISI, Q3 (IF=0,362)		21(2): 197-198 https://doi.org/10.3329/bjpt.v21i2.21361	12/2014
5	<i>Aristolochia xuanlienensis</i> , a new species of Aristolochiaceae from Vietnam	7		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,186)	22	188, 3, 176-180 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.188.3.7	12/2014
6	<i>Rhaphidophora lacduongensis</i> (Araceae), a new species from Lam Dong, Vietnam	2		Blumea /ISSN 0006-5196 (Print); ISSN 2212-1676 (Online)	ISI, Q2 (IF=0,978)		59, 202-205 http://dx.doi.org/10.3767/000651915X688416	5/2015
7	<i>Capparis gialaiensis</i> (Capparaceae Juss.), a new species from Vietnam	8		Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q2 (IF=0,984)	16	52, 3-4, 219-223 https://doi.org/10.5735/085.052.0314	8/2015
8	The identity of <i>Cryptocoryne crispata</i> var. <i>tonkinensis</i> (Araceae)	6		Willdenowia /ISSN 1868-6397 online	ISI, Q1 (IF=1,8)	1	45, 2, 1-6 DOI: http://dx.doi.org/	8/2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
				ISSN 0511-9618 print			org/10.3372/wi.45.452xx	
9	<i>Prismatomeris fragrans</i> et. Geddes (Rubiaceae) - A new record for the flora of Viet Nam	6		Bangladesh Journal of Plant Taxonomy/1028-2092 (print), 2224-7297 (online)	ISI, Q3 (IF=0,356)		22, 2, 147-149 https://doi.org/10.3329/bjpt.v22i2.26077	12/2015
10	<i>Clausena anisata</i> -mediated protection against lipopolysaccharide-induced acute lung injury in mice	14		International Journal of Molecular Medicine/ 1107-3756 (print), 1791-244X (online)	ISI, Q1 (IF=2,632)	8	37, 4, 1091-1098 https://doi.org/10.3892/ijmm.2016.2515	2/2016
11	<i>Goniothalamus banii</i> sp. nov. (Annonaceae) from Thanh Hoa, Vietnam	8	X	Nordic Journal of Botany/0107-055X (print), 1756-1051 (online)	ISI, Q2 (IF=0,944)	1	34, 6, 690-693 https://doi.org/10.1111/njb.01174	4/2016
12	<i>Jasminum vietnamense</i> (Oleaceae), a new species from Vietnam	6	X	Annales Botanici Fennici /ISSN 0033847(print) ISSN 1897-2442(online)	ISI, Q3 (IF=0,654)		53. No 5-6. 410-414 https://doi.org/10.5735/085.053.0614	9/2016
13	Morphological and anatomical studies of the newly recorded genus <i>Plagiopteron</i> Griff. (Celastraceae) from Vietnam	7		Bangladesh Journal of Plant Taxonomy/1028-2092 (print), 2224-7297 (online)	ISI, Q3 (IF=0,362)	2	23, 2, 161-166 https://doi.org/10.3329/bjpt.v23i2.30844	12/2016
14	Three new species of <i>Aspidistra</i> (Convallariaceae) from Vietnam	5		Wulfenia/1561-882X	ISI, Q3 (IF=0,465)	15	23 (2016): 57-67	12/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
15	<i>Rhaphidophora sonlaensis</i> (Araceae), a new species from northern Vietnam	6		Annales Botanici Fennici /ISSN 0033847(print) ISSN 1897-2442(online)	ISI, Q3 (IF=0,654)	2	54(1):111-115 https://doi.org/10.5735/085.054.0317	4/2017
16	<i>Disanthus ovatifolius</i> (Hamamelidaceae), a new species from northwestern Vietnam	5		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,042)	5	308(1):104-110 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.308.1.9	5/2017
17	<i>Capparis dongvanensis</i> (Capparaceae): A new species from Vietnam	6		Nordic Journal of Botany/0107-055X (print), 1756-1051 (online)	ISI, Q2 (IF=0,939)	5	35, 3, 272-275 ISI, Q2 (IF=0,939) 35, 3, 272-275 https://doi.org/10.1111/njb.01326	6/2017
Tạp chí thuộc danh mục Scopus								
18	<i>Dendrobium multilineatum</i> Kerr (Orchidaceae): a New Distributional Record for Vietnam	11		Taiwania/0372-333X	Scopus, Q3 (IF=0,482)	1	57, 2, 225-228 https://doi.org/10.6165/ta.2012.57(2).225	6/2012
19	<i>Jasminum extensum</i> Wall. ex G. Don (Oleaceae), a new record to the flora of Vietnam	7	X	Taiwania/0372-333X	Scopus, Q3 (IF=0,509)	9	58, 2, 128-131 https://doi.org/10.6165/ta.2013.58.128	6/2013
Bài báo thuộc tạp chí Quốc tế khác								
20	<i>Jasminum macrocarpum</i> Merr. (Oleaceae), A Newly Recorded Species from Vietnam	4	X	Journal of Tropical and Subtropical Botany/ISSN 1005-3395 CN 44-1374/Q		3	21(4): 343~346 https://doi.org/10.3969/j.issn.1005-	2/2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
							3395.2013.04.008	
21	<i>Jasminum attenuatum</i> Roxb. ex G. Don (Oleaceae): a new record to the flora of Vietnam	5	X	Korean Journal of Plant Taxonomy/1225-8318 (print), 2466-1546 (online)		2	43(4):263-266 https://10.1111/110/kjpt.2013.43.4.263	11/2013
22	<i>Jasminum albicalyx</i> Kobuski (Oleaceae): a new record from Vietnam	9	X	Korean Journal of Plant Taxonomy/1225-8318 (print), 2466-1546 (online)			44(3): 178-180 (2014) http://dx.doi.org/10.1111/0/kjpt.2014.44.3.178	9/2014
23	The status of <i>Cryptocoryne annamica</i> (Araceae: Aroideae: Cryptocoryneae) in Vietnam	3		Gardens' Bulletin Singapore /e-ISSN 2382-5812 PISSN: 0374-7859			66(1): 67-72. 2014	12/2014
24	Useful aroids and their prospects in Vietnam	6		Roideana /ISSN 2310-0745			38E NO 1, 130-142	5/2015
25	<i>Arisaema lidaense</i> J. Murata & S.K. Wu (Araceae): A New Record For The Flora Of Vietnam	3		Roideana/ ISSN 2310-0745			39,1, 20-25	2/2016
26	<i>Capparis pubifolia</i> B. S. Sun (Capparaceae): A newly recorded	8		Korean Journal of Plant Taxonomy/1225-8318 (print), 2466-1546 (online)			47, 2, 106-111 https://doi.org/10.1111/0/kjpt.2017.47.2.106	6/2017
Bài báo thuộc tạp chí Quốc gia uy tín								
27	Bổ sung loài <i>Canthium simile</i> Merr. & Chun (Rubiaceae)	4		Tạp chí Sinh học/0866-7160			31, 2, 40-42 https://doi.org/10.15625/0866-	6/2009

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
	cho hệ thực vật Việt Nam						7160/v32n3.707	
28	Bổ sung chi <i>Pellacalys</i> Korthals (họ Đước - Rhizophoraceae) cho hệ thực vật Việt Nam	4		Tạp chí Sinh học/0866-7160			32, 3, 59-61 https://doi.org/10.15625/0866-7160/v32n3.707	9/2010
29	Study on the section <i>Trifoliolata</i> DC. (<i>Jasminum</i> L. - Oleaceae Juss.) in Vietnam	3	X	Tạp chí Sinh học/0866-7160		1	35(4): 429-434 https://doi.org/10.15625/0866-7160/v32n3.707	12/2013
30	Nghiên cứu phân loại chi Ôliu (<i>Olea</i> L.- Họ Nhài (Oleaceae (Hoffm. & Link) ở Việt Nam	2	X	Tạp chí khoa học và Công nghệ/ISSN 0866 708X		4	52D (2D) 215-222	11/2014
31	Ghi nhận mới loài <i>Olea neriifolia</i> H. L. Li, (họ Nhài - Oleaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	2	X	Tạp chí Sinh học/0866-7160			37(3): 348-352 https://10.15625/08667160/v37n3.7421	6/2015
32	<i>Acranthera sinensis</i> C. Y. Wu (Rubiaceae): A new distributional record from Vietnam	4	X	Tạp chí Sinh học/0866-7160			37(3): 348-352 https://10.15625/08667160/v37n3.7421	6/2015
33	A new record of <i>Impatiens kamtilongensis</i> Toppin (Balsaminaceae) for Vietnam flora	4		Tạp chí Sinh học/0866-7160			37(3): 332-335 https://doi.org/10.15625/0866-7160/v32n3.707	9/2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
34	Ghi nhận mới loài <i>Rothmannia wittii</i> (Craib) Bremek. (Rubiaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	2	X	Tạp chí Sinh học/0866-7160			37(4): 458-462 DOI: 10.15625/0866-7160/v37n4.6952	12/2015
35	<i>Osmanthus suavis</i> King ex C. B. Clarke (Oleaceae): A newly recorded species for the flora of Vietnam	1	X	Tạp chí Sinh học/0866-7160			38(3): 401-407 https://doi.org/10.15625/0866-7160/v38n3.7863	9/2016
36	<i>Porandra microphylla</i> Y. WAN (Commelinaceae): a new distributinal recorded for Vietnam	4		Tạp chí Sinh học/0866-7160			38(3): 340-343 https://doi.org/10.15625/0866-7160/v38n3.7486	9/2016
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia								
37	Chi Râm - <i>Ligustrum</i> L. Thuộc họ Nhài – Oleaceae Hoffmanns. & Link ở Việt Nam.	4	X	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 4, Hà Nội 2011/ ISSN: 1859-4425. Nxb. Nông Nghiệp			4, 294-298	10/2011
38	Những loài cây được sử dụng làm thuốc trong họ nhài (Oleaceae Hoffmanns. & Link) ở Việt Nam	2	X	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 4, Hà Nội 2011/ ISSN: 1859-4425. Nxb. Nông Nghiệp			4, 1260-1264	10/2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
39	Bổ sung một loài thuộc chi trần tàu- <i>Fraxinus</i> L., họ (Oleaceae) ở Việt Nam	4	X	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 5, Hà Nội 2013/ ISSN: 1859-4425. Nxb. Nông Nghiệp			5,214-216	10/2013
40	Sử dụng công nghệ hệ thông tin địa lý (GIS) để xây dựng bản đồ phân bố 4 loài thuộc chi khoai môn- <i>Colocasia</i> Schott ở miền bắc Việt Nam	4	X	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 5, Hà Nội 2013/ ISSN: 1859-4425. Nxb. Nông Nghiệp			5,1512-1518	10/2013
41	Study two genus <i>Osmamthus</i> Loureio. and <i>Myxopyrum</i> Blume. (Oleaceae) in Vietnam	1	X	Proceedings of the first VAST-BAS workshop on Science and Technology, ISBN: 978-604-913-304-6. Publishing House for Science and Technology			1,311-316 doi10.15625/RDNP.2024-0178	11/2014
42	Đánh giá hiện trạng và đề xuất bảo tồn 8 loài đặc hữu thuộc họ nhài (Oleaceae) ở Việt Nam	2	X	Báo cáo khoa học về sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 6. /ISSN: 1859-4425. Nxb. Nông Nghiệp			6,800-805	12/2015
43	Nhánh Primulina Green - và loài <i>Jasminum mesnyi</i> Hance – thuộc chi <i>Jasminum</i> L. (Oleaceae) bổ sung	2	X	Báo cáo khoa học về sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 6./ ISSN: 1859-			6,265-267	12/2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
	cho hệ thực vật Việt Nam			4425. Nxb. Nông Nghiệp				
44	Morphological characteristics and key to genera of family Menispermaceae in Vietnam	3		Báo cáo khoa học về sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 6./ ISSN: 1859-4425. Nxb. Nông Nghiệp			6,27-32	12/2015
45	Nghiên cứu chi trắng - <i>Chionanthus</i> L., họ nhài (Oleaceae) ở Việt Nam.	3		Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ hai. Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, /ISBN: 978-604-9988-03-5. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			2,553-572	2/2016
			X					
46	Đánh giá cảnh quan phục vụ phát triển nông nghiệp tại cụm xã đảo phía đông Huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh	2		Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ hai. Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, /ISBN: 978-604-9988-03-5. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			2,241-248	2/2016
II	Sau khi được công nhận TS (sau tháng 7/2017)							
	Tạp chí thuộc danh mục ISI (SCI-E)							
47	<i>Asarum yentuense</i> sp. nov. (Aristolochiaceae) from Vietnam	4		Nordic Journal of Botany Online ISSN:1756-1051 Print ISSN:0107-055X	ISI, Q2 (IF=0,939)	1	36, 3, 1-6/ e01586 https://doi: 10.1111/njb. 01586	8/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
48	Three new records of <i>Jasminum</i> (Oleaceae) for the flora of Vietnam	5	X	Wulfenia/1561-882X	ISI, Q3 (IF=0,465)		24 (2017): 134–142	10/2017
49	<i>Jasminanthes tuyetanhiae</i> (Apocynaceae, Asclepiadoideae), a new species from Vietnam, and <i>J. pilosa</i> new for Vietnam	11		Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q3 (IF=0,654)	9	55, 1-3, 163–169 https://doi.org/10.5735/085.055.0121	5/2018
50	Two new species of <i>Oreocharis</i> (Gesneriaceae) from northern Vietnam	8		Edinburgh Journal of Botany/ISSN: 0960-4286 (Print), 1474-0036 (Online)	ISI, Q3 (IF=0,233)	19	75(3):1-11 https://doi.org/10.1017/S0960428618000148	6/2018
51	<i>Argostemma vietnamicum</i> (Rubiaceae), a new species from Vietnam	6	X	Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q3 (IF=0,654)	7	56, 1-3, 27-31 https://doi.org/10.5735/085.056.0105	9/2018
52	<i>Steudnera hoanglienica</i> (Colocasiceae—Araceae), a new species from northern Vietnam	4		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)		376 (5): 223–226 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.376.5.5	11/2018
53	<i>Jasminum pedunculatum</i> (Oleaceae) revisited: lectotypification, new synonym and new data on distribution	6	X	Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q3 (IF=0,654)		56: 181-189 https://doi.org/10.5735/085.056.0122	1/2019
54	<i>Boeica konchurangensis</i> sp. nov. (Gesneriaceae)	8	X	Nordic Journal of Botany/0107-055X (print),	ISI, Q2 (IF=0,815)	8	37, 5, 1-8 e02333	4/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
	from Gia Lai plateau, Vietnam			1756-1051 (online)			https://doi.org/10.1111/njb.02333	
55	A new species of <i>Anadendrum</i> (Araceae – Anadendreae) from Vietnam	5		Blumea /ISSN 0006-5196 (Print); ISSN 2212-1676 (Online)	ISI, Q2 (IF=0,978)	8	64, 2019: 190–193 https://doi.org/10.3767/blumea.2019.64.02.11	9/2019
56	Taxonomic notes on <i>Tolypanthus</i> and <i>Taxillus</i> (Loranthaceae) in Vietnam, including lectotypifications and new national records	7		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)	1	424, 3, 167-176 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.424.3.4	11/2019
57	<i>Peliosanthes crassicornata</i> (Asparagaceae), a new species from southern Vietnam	7		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)	14	429, 1, 39-47 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.429.1.2	1/2020
58	<i>Heterostemma cucphuongense</i> (Apocynaceae, Asclepiadoideae), a new species from Vietnam	8		PhytoKeys/1314-2011 (print), 1314-2003 (online)	ISI, Q2 (IF=1,364)	5	148, 119-124 https://doi.org/10.3897/phytokeys.148.50029	5/2020
59	<i>Jasminum kontumense</i> (Oleaceae), a new species from Vietnam	2	X	Annales Botanici Fennici/0003-3847 (print), 1797-2442 (online)	ISI, Q3 (IF=0,654)		57. 211-215 DOI:10.5735/085.057.0425	5/2020
60	A new species of <i>Psydrax</i> (Vanguerieae, Rubiaceae) from the Gia Lai Plateau, southern Vietnam	7	X	PhytoKeys/1314-2011 (print), 1314-2003 (online)	ISI, Q2 (IF=1,364)	1	149, 4, 99-107 https://doi.org/10.3897/phytokeys.149.51710	6/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
61	A new species of <i>Lasianthus</i> (Rubiaceae), <i>L. konchurangensis</i> , from the Central Highlands of Vietnam	10		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)	5	451 (2): 161–168 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.451.2.6	7/2020
62	<i>Deutzia glomeruliflora</i> , a new generic record for Vietnam, with its lectotypification and a revised key to Vietnamese Hydrangeaceae	5		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)		458 (1): 108–114 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.458.1.7	8/2020
63	Towards a floristic inventory of Bat Xat Nature Reserve, Vietnam: Thirteen new national records of vascular plants	21	X	Wulfenia/1561-882X	ISI, Q3 (IF=0,465)	6	27, 233–250	12/2020
64	<i>Mouretia oblanceolata</i> (Rubiaceae), a new species from central Vietnam	5		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)		484 (2): 237–243 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.484.2.8	2/2021
65	<i>Leptomischus anisophyllus</i> (Argostemmateae: Rubiaceae), a new species from	5		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)		507 (2): 198–204 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.507.2.8	6/2021
66	New and noteworthy species of <i>Begonia</i> (Begoniaceae) from Vietnam and Laos	11		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)	7	522 (2): 075–093 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.522.2.8	10/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
							phytotaxa.52 2.2.1	
67	Nomenclatural notes and typification of nine names related to <i>Jasminum</i> (Oleaceae)	3	X	PhytoKeys/ ISSN 1314-2003 (online) ISSN 1314-2011 (print)	ISI, Q2 (IF=1,364)	1	183: 55–65. https://doi.org/10.3897/phytokeys.183.69858	10/2021
68	The genus <i>Chionanthus</i> (Oleaceae) in Cambodia, Laos and Vietnam	2	X	Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)	1	525 (3): 167–195 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.525.3.1	10/2021
69	<i>Beilschmiedia danhkyii</i> (Lauraceae), a new species from Vu Quang National Park, Vietnam	4	X	Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,067)		527 (3): 215–220 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.527.3.6	12/2021
70	One transfer to <i>Primulina</i> (Gesneriaceae) and amended descriptions for <i>P. crassifolia</i> and <i>P. quanbaensis</i> from northern Vietnam	9		Nordic Journal of Botany/0107-055X (print), 1756-1051 (online)	ISI, Q2 (IF=0,815)	1	5,1-12 https://doi.org/10.1111/njb.03455	3/2022
71	<i>Leptomischus multiflorus</i> (Argostemmataceae: Rubiaceae), a new species from southern Vietnam	9		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,079)	2	574 (1): 083–090; https://doi.org/10.11646/phytotaxa.574.1.5	11/2022
72	<i>Ceriscoides glabra</i> (Gardenieae: Rubiaceae), a new species from Kon Chu Rang Nature	8		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,079)		574, 2, 158-164 https://doi.org/10.11646/	11/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
	Reserve, southern Vietnam						phytotaxa.574.2.4	
73	<i>Leptochilus ornithopus</i> (Polypodiaceae), a new hemiepiphytic fern species from central highlands of Vietnam	5		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,1)		221: 73–84 (2023) https://doi.org/10.3897/phytokeys.221.95895	2/3023
74	<i>Hedyotis konhanungensis</i> (Rubiaceae): A new species from the central highlands of Vietnam	8	X	PhytoKeys/ ISSN 1314-2003 (online) ISSN 1314-2011 (print)	ISI, Q2 (IF=1,364)		221: 73–84 (2023); https://doi.org/10.3897/phytokeys.221.95895	2/2023
75	<i>Cyrtandromoea grandiflora</i> , a new generic record for Vietnam, and a key to Vietnamese Phrymaceae	7	X	Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q2 (IF=1,1)		591, 2, 147-154; https://doi.org/10.11646/phytotaxa.591.2.6	4/2023
76	<i>Meiogyne konkakinensis</i> (Annonaceae), a new species from the central highlands of Vietnam	7	X	Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		652 (1): 078–082; https://doi.org/10.11646/phytotaxa.652.1.7	5/2024
77	Recovery Effects of <i>Nephelium lappaceum</i> var. <i>pallens</i> (Hiern) Leenh. Extract on Testosterone-Induced Inhibition of Hair Growth in C57BL/6 Mice and Human Follicular Dermal Papilla Cells	9		Journal of medicinal food/ ISSN: 1096-620X Online ISSN: 1557-7600	ISI, Q1 (IF=1,7)		27 (2) 2024, 167–175; https://doi.org/10.1089/jmf.2023.K.0124	11/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
78	<i>Begonia triquetra</i> (sect. <i>Platycentrum</i> , Begoniaceae), a new subpeltate-leaved species from limestone hills in Son La province, Northwestern Vietnam	8		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		674 (3): 281–287 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.674.3.5	11/2024
79	<i>Petrocosmea albocaerulea</i> (Gesneriaceae), a new species from northwestern Vietnam	5		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		678 (3): 193–200 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.678.3.5	12/2024
80	New orchids in the flora of Vietnam X (Orchidaceae, Orchidoideae, tribe Orchideae, Epidendroideae, tribes Gastrodieae, Arethuseae, Cymbidieae, and Vandaeae)	9		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		681 (1): 020–054 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.681.1.3	1/2025
81	An overview of the genus <i>Osmanthus</i> (Oleaceae) in Vietnam, with two new records and lectotypifications	8		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		684 (1): 033–054 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.684.1.2	2/2025
82	Notes on the genus <i>Thunbergia</i> (Acanthaceae) in Vietnam	6		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		697 (3): 255–264; 4/2025; https://doi.org/10.11646/phytotaxa.697.3.4	4/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
83	New record of <i>Premna confinis</i> (Lamiaceae, Premnoideae) for the Flora of Vietnam	4		Phytotaxa/1179-3155 (print), 1179-3163 (online)	ISI, Q3 (IF=1,1)		704 (1): 087-090 https://doi.org/10.11646/phytotaxa.704.1.8	6/2025
Tạp chí thuộc danh mục Scopus								
84	<i>Henckelia longisepala</i> (Gesneriaceae), a new record for Vietnam	7	X	Rheedea /ISSN: 0971-2313 (Print edition) ISSN: 2582-2438 (Online edition)	Scopus, Q3 (IF=0,324)	3	30(1): 176-186 (2020) https://dx.doi.org/10.22214/rheedea.2020.30.01.12	3/2020
85	Two new taxa of <i>Rhododendron</i> (Ericaceae) from Vietnam	4		Edinburgh journal of botany/ISSN (online): 1474-0036, ISSN (print): 0960-4286	Scopus, Q3 (IF=0,234)		78, 363: 1-8 (2021). https://doi.org/10.24823/EJB.2021.363	6/2021
86	<i>Tripterygium wilfordii</i> Hook.f. (Celastraceae): A new generic and species record for the flora of Vietnam	6		Korean Journal of Plant Taxonomy/1225-8318 (print), 2466-1546 (online)	Scopus, Q4 (IF=0,667)	2	51, 3, 319-325 https://doi.org/10.11110/kjpt.2021.51.3.319	9/2021
87	<i>Clerodendrum ervatamioides</i> (Lamiaceae): A new record to the flora of Vietnam	10		Korean Journal of Plant Taxonomy/1225-8318 (print), 2466-1546 (online)	Scopus, Q4 (IF=0,667)		52, 4, 255-261 https://doi.org/10.11110/kjpt.2022.52.4.255	11/2022
88	<i>Melanochyla</i> (Anacardiaceae): a new generic record for Flora of Vietnam	5		Rheedea /ISSN: 0971-2313 (Print edition) ISSN: 2582-2438 (Online edition)	Scopus, Q3 (IF=0,324)		34(4): 225-231 https://dx.doi.org/10.22214/rheedea.2024.34.4.225	12/2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
							024.34.04.0 3	
Bài báo thuộc tạp chí Quốc tế khác								
89	<i>Balanophora harlandii</i> Hook. f. (Balanophoraceae), a new record for the flora of Viet Nam	5	X	Bioscience Discovery/ ISSN: 2229-3469 (Print); ISSN: 2231-024X (Online)		3	9(4):489-494, - 2018	9/2018
90	Taxonomic notes on <i>Leycesteria</i> Wall. (Caprifoliaceae): a newly recorded genus for the flora of Vietnam	3	X	Korean Journal of Agricultural Science/pISSN: 2466-2402 eISSN: 2466-2410			46(2). 355-340 https://doi.org/10.7744/kjoas.20190019	6/2019
91	Two new records of <i>Spiradiclis</i> (Rubiaceae) from Vietnam	4		Korean Journal of Agricultural Science/pISSN: 2466-2402 eISSN: 2466-2410			46(3) 645-651 https://doi.org/10.7744/kjoas.20190051	6/2019
92	Notes on taxonomy of <i>Petrocosma</i> Oliv. (Gesneriaceae) from Vietnam	5		Guihaia/ISSN: 1000-3142 CN: 45-1134/Q			1409-1416 https://doi.org/10.11931/guihaia.Gxzw.201907029	12/2020
Bài báo thuộc tạp chí Quốc gia								
93	<i>Aucuba robusta</i> W. P. Fang & T. P. Soong (Aucubaceae): a new record to the flora of Vietnam	5	X	Tạp chí khoa học & công nghệ/ (ISSN 1859-2171, 2374-9098; e-ISSN 2615-9562)		3	180(04): 53 - 56	4/2018
94	<i>Edgeworthia tomentosa</i> (Thunb.) Nakai. (Thymelaeaceae): a newly recorded	4	X	Tạp chí khoa học & công nghệ/ (ISSN 1859-2171, 2374-9098; e-ISSN 2615-9562)			180(04): 49 - 52	4/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
	species for the flora of Vietnam							
95	Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, tỉnh Gia Lai	4	X	Tạp chí khoa học & công nghệ/ (ISSN 1859-2171, 2374-9098; e-ISSN 2615-9562)			194(01): 15 - 20	1/2019
96	Xác định vị trí phân loại mẫu <i>Alocasia</i> sp. thu thập ở Xuân Sơn (Phú Thọ) trên cơ sở phân tích 3 vùng gen matK, petD và trnY-trnE	5	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ P-ISSN 1859-4794, E-ISSN 2615-9929.			61(3) 11-14	3/2019
97	Assesment of Bioactivity of Some Plant Species in Bac Huong Hoa Nature Reserve and its near Places of Quang Tri Province	6		VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, /2615-9317 (print), 2588-1140 (online)			35, No. 1 (2019) 1-8	3/2019
98	Nghiên cứu định loại các taxon thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) ở Vườn quốc gia Phia Oắc – Phia Đén, tỉnh Cao Bằng	8		Tạp chí khoa học & công nghệ, Đại học Thái Nguyên/1859-2171 (print), 2615-9562 (online)			197, 4, 119-125	4/2019
99	<i>Boeica clarkei</i> Hareesh, L.Wu, A. Joe & M.Sabu (Gesneriaceae) một loài ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam	7	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn /ISSN 1859-4581			13: 102-105	7/2020
100	Nghiên cứu hình thái hạt phấn của họ Nhài	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam/ P-ISSN			63(8) 8.2021 https://doi.org/10.31276/VJS	6/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
	(Oleaceae Hoffmanns. & Link) ở Việt Nam			1859-4794, E-ISSN 2615-9929			T.63(8).19-24	
101	New distribution record of <i>Lysimachia otophora</i> C.Y.Wu (Primulaceae) from Vietnam	6		TNU Journal of Science and Technology, 1859-2171 (print), 2615-9562 (online)			226, 14, 73 – 78 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4713	9/2021
102	Distribution characteristics of endemic and rare plants along the altitudinal gradient in bat xat nature reserve in Vietnam	8	X	Academia Journal of Biology/2615-9023			43(4): 1-24 https://doi.org/10.15625/2615-9023/16509	12/2021
103	<i>Boehmeria pilosiuscula</i> var. <i>suffruticosa</i> Acharya, Friis & Wilmot-Dear (Urticaceae), a new record for the flora of Vietnam	9		TNU Journal of Science and Technology, 1859-2171 (print), 2615-9562 (online)			228, 1, 317-321 https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6414	1/2023
104	Typification and novelties in Rubiaceae for the flora of Vietnam	5	X	Academia Journal of Biology/2615-9023			5(1): 11–21 https://doi.org/10.15625/2615-9023/17596	2/2023
105	<i>Jasminum binhchauense</i> (Oleaceae), a new species from Binh Chau Phuoc Buu nature reserve in southern Vietnam	3	X	Academia Journal of Biology/2615-9023			45(3): 35–43 https://doi.org/10.15625/2615-9023/18681	10/2023
Kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang/doi	Tháng, năm công bố
106	Đặc điểm hình thái và phân loại chi <i>Argostemma</i> wall. (<i>Argostemmataceae-Rubiaceae</i>) ở Việt Nam	1	X	Báo cáo khoa học về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 7. ISBN: 978-604-913-615-3. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			7, 319-323	10/2017
107	Cập nhật danh sách các loài <i>Pavetta</i> L. Thuộc họ Rubiaceae ở Việt Nam	4	X	Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba. Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, ISBN: 978-604-9988-03-5. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			3,440-447	5/2021
108	Cập nhật danh lục các loài thuộc chi <i>Utricularia</i> L. (<i>Lentibulariaceae</i>) ở Việt Nam	6	X	Báo cáo khoa học, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba. Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, ISBN: 978-604-9988-03-5. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			3, 403-411	5/2021
109	Species diversity and uses of flowering plants in the north central region of Vietnam	11		Hội nghị Khoa học Đa dạng sinh học và Các chất có hoạt tính sinh học vì sự phát triển bền vững; ISBN: 978-604-357-357-2. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ			109-118	3/2025

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính (tác giả đứng đầu và/hoặc tác giả liên hệ) sau TS là 13 bài (bài số 48, 51, 53, 54, 59, 60, 63, 67, 68, 69, 74, 75, 76 mục II).

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-1926021: Pharmaceutical composition comprising extract of <i>Telectadium dongnaiense</i> for preventing or treating colon cancer	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	12/06/2019	Đồng tác giả	12
2	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-2181954: Composition for controlling nematode comprising <i>Knema globularia</i> extract as effective component and uses thereof	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	12/05/2021	Đồng tác giả	10
3	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-2181030: Composition for controlling nematode comprising <i>Fissistigma latifolium</i> extract as effective component and uses thereof	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	12/05/2021	Đồng tác giả	10
4	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-1971254: Composition for skin whitening comprising <i>Pavetta indica</i> extract as effective component	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	14/03/2023	Đồng tác giả	7
5	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-2151401: Composition for preventing or treating pain comprising extracts from <i>Jasminum microcalyx</i> Hance as an active ingredient	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	22/02/2024	Đồng tác giả	11
6	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-2153338: Pharmaceutical composition for preventing or treating inflammatory disease, comprising extract of <i>Canarium subulatum</i> as effective ingredient	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	23/02/2024	Đồng tác giả	10
7	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-2109145:	Korean Intellectual	27/02/2024	Đồng tác giả	8

	Composition for preventing, ameliorating or treating anti-cancer drug-resistant lung cancer comprising <i>Pavetta indica</i> extract, its fraction or 5,6-dehydrokawain isolated from the extract as effective	Property Office (KIPO)			
8	Bằng sáng chế (Certificate of Patent), số 10-2093292: Pharmaceutical composition for prevention and treatment of menopausal symptom of women containing <i>Flemingia strobilifera</i> or its isolated compound as an active ingredient	Korean Intellectual Property Office (KIPO)	29/02/2024	Đồng tác giả	10

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Đồng tác giả của 8 bằng sáng chế (Certificate of Patent)

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): đủ 6 năm thâm niên, thiếu giờ dạy của 2 năm đầu (năm học 2018-2019; năm học 2020-2021).

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2018-2019/67,5; 2020-2021/67,5.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2019-2020/45.

Đề xuất tăng gấp đôi số điểm tổng CTKH thay thế tiêu chuẩn giờ giảng dạy bị thiếu.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT
(UV chức danh PGS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) *Nghiên cứu khoa học*

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) *Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)*

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Bùi Hồng Quang